

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày: 21/01/2026
“V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh
Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 21/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2025/TLST-DS ngày 07/11/2025, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST-DS ngày 11/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 05/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1966; (Có mặt)

Địa chỉ: khóm H, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Phước V, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm H, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Th trình bày:

Vào ngày 21/11/2022 âm lịch, bà Th có cho ông V vay số tiền 8.000.000 đồng và ngày 23/11/2022 âm lịch vay thêm 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 9.000.000 đồng. Mục đích vay để chi tiêu cho việc làm vườn xoài. Vay tiền có biên nhận. Thỏa thuận miệng lãi suất 5%, không có văn bản. Ông V có đóng lãi được 4 tháng rồi ngưng tới nay. Thời hạn cho vay hai bên thỏa thuận là xong vụ xoài 2023, nhưng bà Th đòi thì ông V cứ hứa hoài mà không trả.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng. Do ông V đã đóng lãi được 4 tháng, xem như đã có đóng lãi, nên bà Th không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Trần Phước V vắng mặt quá trình giải quyết vụ án không rõ lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông V không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Th yêu cầu ông V trả số tiền vay gốc còn thiếu, căn cứ do bà Th xuất trình là tờ “*Biên nhận*” viết tay trên giấy tập học sinh ghi ngày 21/11/2022 AL và 23/11/2022 AL. Theo bà Th trình bày do chính ông V ký tên trên biên nhận. Trên biên nhận thể hiện nội dung ông V có mượn của bà Th số tiền 8.000.000 đồng và ngày 23/11/2022 AL mượn thêm 1.000.000 đồng nữa, xác định quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Th trình bày ông V chỉ đóng lãi cho bà Th được 04 tháng thì ngưng đóng, còn tiền vốn vay thì chưa trả cho bà khoản tiền nào theo biên nhận trên.

Đối với ông V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông, nhưng ông không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Bà Th xuất trình được chứng cứ là biên nhận nợ thể hiện ông V thiếu bà Th số tiền vốn vay là 9.000.000 đồng, nên căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật

dân sự năm 2015, ông V có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vốn vay gốc là 9.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi, bà Th trình bày ông V đã đóng lãi cho bà Th được 4 tháng, lãi suất 5%/tháng, số tiền bà Th nhận khoảng 1.800.000 đồng, bà Th cũng muốn tạo điều kiện cho ông V trả tiền, nên chỉ yêu cầu lấy lại số tiền vốn, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất 5% hai bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật (tối đa 20%/năm), nếu tính theo mức lãi suất quy định đến nay, thì ông V phải trả cho bà Th số tiền lãi khoảng 36 tháng tương đương số tiền 5.378.400 đồng, số tiền này cao hơn số tiền ông V đã đóng cho bà Th, có lợi cho ông V. Do các bên không yêu cầu điều chỉnh lãi suất và bà Th không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy, ông V có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vay gốc 9.000.000 đồng

[3] **Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông V có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 9.000.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $9.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 450.000 \text{ đồng}$.

Bà Th không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 91, 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th.

2/ Buộc ông Trần Phước V trả cho bà Võ Thị Th số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phước V phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Th không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006887 ngày 04/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng